



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÀNH ĐÔNG
Khoa: Y DƯỢC

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN THỰC HÀNH DƯỢC KHOA
Trình độ đào tạo: **Đại học**
Ngành: **DƯỢC HỌC**
Mã số: **7720201**

Lần ban hành:
Ngày ban hành:
Số trang:

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Tiếng Việt: THỰC HÀNH DƯỢC KHOA Tiếng Anh: PHARMACY PRACTICE
- Mã số học phần: PPR1171
- Thuộc ngành/nhóm ngành: Khoa học Sức khỏe (Khối ngành VI)
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức đại cương/chung ☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Học phần dạy học dự án ☒ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức khác
- Thuộc loại học phần: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
- Số tín chỉ: 02 (00/02) + Số tiết lý thuyết : 0 tiết + Số tiết thực hành/thảo luận: 90 tiết + Số tiết tự học : 90 tiết

- Điều kiện tham gia học phần: Học phần tiên quyết: Không Mã số HP: Không Học phần học trước: Không Mã số HP: Không Học phần song hành: Không Mã số HP: Không	
- Yêu cầu của học phần (<i>giảng viên ghi cụ thể các yêu cầu</i>) Thời gian người học có mặt trên lớp tối thiểu: 80%. Người học phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo, ... Tham gia đầy đủ các bài thực hành. Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên.	
- Bộ môn/Khoa phụ trách học phần: Khoa Y Dược	

1.2. Các giảng viên phụ trách

- Giảng viên phụ trách chính: Ts. Vũ Thanh Bình
- Các giảng viên cùng giảng dạy: Ths. Phùng Thị Hương Giang

2. Mô tả học phần

Học phần "Thực hành Dược khoa" đóng vai trò quan trọng trong chương trình đào tạo Dược sĩ theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng thực tiễn cần thiết trong ngành Dược. Đây là học phần giúp người học chuyển hoá các kiến thức lý thuyết cơ bản và chuyên ngành thành các kỹ năng thực hành cụ thể, đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp và xã hội.

Học phần đóng vai trò nền tảng trong việc phát triển năng lực thực hành nghề nghiệp của sinh viên ngành Dược. Là cầu nối giữa lý thuyết và thực tiễn, giúp người học rèn luyện kỹ năng thực hành tại các cơ sở như nhà thuốc, bệnh viện, công ty dược phẩm. Góp phần phát triển các phẩm chất nghề nghiệp, tư duy khoa học, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và ý thức trách nhiệm xã hội đối với sự nghiệp chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

Học phần Trang bị kiến thức và kỹ năng thực tiễn trong sản xuất, bào chế các dạng thuốc. Rèn luyện kỹ năng nhận biết, sử dụng dược liệu tươi và khô. Đảm bảo người học có khả năng thực hành tốt các nhiệm vụ tại nhà thuốc, đồng thời phát triển tác phong làm việc chuyên nghiệp trong môi trường thực tế.

3. Mục tiêu học phần (Course Objectives – COs)

Bảng 1. Mục tiêu của học phần

TT	Mô tả mục tiêu học phần	Đáp ứng CDR của CTĐT	Trình độ năng lực
CO ₁	Trang bị cho người học các kiến thức thực tiễn về bào chế các dạng thuốc tại cơ sở; Nhận biết và biết cách sử dụng của các dược liệu thông dụng; Nhận biết và thực hành được các việc cần phải làm tại Nhà thuốc.	PLO ₄	3/6
CO ₂	Rèn luyện cho người học các kỹ năng thực tiễn về bào chế các dạng thuốc tại cơ sở (lập kế hoạch, chuẩn bị dụng cụ, pha chế được một số dạng bào chế); Hướng dẫn sử dụng các dược liệu thông dụng; Thực hành được các việc cần phải làm tại Nhà thuốc. Rèn luyện tác phong làm việc trong môi trường nghề nghiệp chuyên môn thực tế.	PLO ₉	3/5
CO ₃	Giáo dục, rèn luyện cho người học về tầm quan trọng của Thực hành dược khoa, có ý thức học tập nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao, chấp hành đúng các quy định, có thái độ khiêm tốn học hỏi, cầu tiến góp phần trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.	PLO ₁₁ , PLO ₁₂	4/5

4. Chuẩn đầu ra học phần (Course Learning Outcomes - CLOs)

Bảng 2. Mô tả chuẩn đầu ra học phần THỰC HÀNH DƯỢC KHOA đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT ngành Dược học

PLOs ngành Dược học phân nhiệm cho HP THỰC HÀNH DƯỢC KHOA			CLOs HP THỰC HÀNH DƯỢC KHOA				
Ký hiệu	Mô tả	Mức NL cần đạt	Ký hiệu	Mô tả	Mức NL cần đạt	Trọng số (%) **	Chương HP đảm nhận
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

PLOs ngành Dược học phân nhiệm cho HP THỰC HÀNH DƯỢC KHOA			CLOs HP THỰC HÀNH DƯỢC KHOA				
PLO ₄ [1.2.2]	Áp dụng kiến thức ngành và chuyên ngành vào quy trình thu hái, chế biến, bào chế, kiểm nghiệm, sản xuất, và hướng dẫn sử dụng thuốc an toàn, hiệu quả.	3/6	CLO ₁ [1.2.2.1]	Áp dụng kiến thức ngành và chuyên ngành vào các quy trình thu hái, chế biến, bào chế, kiểm nghiệm, sản xuất và hướng dẫn sử dụng thuốc một cách an toàn, hiệu quả.	3/6		Chương 1,2,3
			CLO ₂ [1.2.2.2]	Phân tích và lựa chọn đúng dụng cụ, thực hiện thành thạo việc pha chế một số dạng bào chế đơn giản, nhận biết và trình bày được đặc điểm, thành phần hóa học chính, công dụng của các dược liệu thông dụng.	3/6		Chương 1,2,3
PLO ₉ [2.2.2]	Thành thạo các kỹ năng thực hành trong thu hái, chế biến, bào chế, kiểm nghiệm, sản xuất, và hướng dẫn sử dụng thuốc, đảm bảo thực hiện quy trình một cách khoa học, an toàn và hiệu quả.	3/5	CLO ₃ [2.2.2.1]	Thực hành thành thạo các kỹ năng bào chế thuốc, nhận thức dược liệu, và thực hiện các nhiệm vụ tại nhà thuốc theo đúng quy định, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.	3/5		Chương 1,2,3
			CLO ₄ [2.2.2.2]	Thể hiện khả năng khởi nghiệp, lập kế hoạch kinh doanh nhà thuốc, đấu thầu thuốc và dụng cụ y tế phục vụ chăm sóc sức khỏe cộng đồng.	3/5		Chương 1,2,3
PLO ₁₁ [3.1.1]	Thể hiện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, tư duy độc lập, lập trường vững vàng và khả năng tự học suốt đời, chủ động phát triển kiến thức, kỹ năng và năng lực chuyên môn nhằm đáp ứng yêu	4/5	CLO ₅ [3.1.1]	Thể hiện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật cao, thái độ nghiêm túc và tinh thần cầu tiến trong học tập và thực hành nghề nghiệp.	4/5		Chương 1,2,3

PLOs ngành Dược học phân nhiệm cho HP THỰC HÀNH DƯỢC KHOA			CLOs HP THỰC HÀNH DƯỢC KHOA				
	câu của ngành Dược và sự phát triển xã hội.						
PLO ₁₂ [3.2.1]	Thể hiện tinh thần trách nhiệm với xã hội và môi trường, tôn trọng quyền và lợi ích của đồng nghiệp, bệnh nhân; duy trì phong cách làm việc chuyên nghiệp và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong mọi hoạt động chuyên môn.	4/5	CLO ₆ [3.2.1]	Thể hiện tinh thần trách nhiệm xã hội, tôn trọng đồng nghiệp và bệnh nhân; duy trì phong cách làm việc chuyên nghiệp và chuẩn mực đạo đức trong mọi hoạt động chuyên môn.	4/5		Chương 1,2,3

Bảng 3. Ma trận đóng góp của các chương cho việc đạt các CLOs HP THỰC HÀNH DƯỢC KHOA (*)

CLO	1.2. Kiến thức ngành		Kỹ năng nghề nghiệp		NL tự chủ	Tự chịu trách nhiệm
	CLO1 [1.2.1.1] – 3/6	CLO2 [1.2.1.2] – 3/6	CLO3 [2.2.1.1] – 3/5	CLO4 [2.2.1.2] – 3/5	CLO5 [3.1.1] – 4/5	CLO6 [3.2.1] – 4/5
Chương 1	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Chương 2	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Chương 3	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5

5. Đánh giá học phần

Bảng 4. Đánh giá học phần

Bài đánh giá	CLOs được đánh giá	Điểm NL cần đạt	Trọng số (%)	Hình thức đánh giá	Thời điểm đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
A1. Đánh giá quá trình			50		
<i>A1.1. Sự chuyên cần, thái độ học tập</i>			20		

Bài đánh giá	CLOs được đánh giá	Điểm NL cần đạt	Trọng số (%)	Hình thức đánh giá	Thời điểm đánh giá
Sự chuyên cần (LT, TH)	CLO5	4/5	5	Điểm danh	Thường xuyên
	CLO6	4/5	5		
Thái độ học tập (LT, TH)	CLO5	4/5	5	Tham gia phát biểu, thảo luận	
	CLO6	45	5		
A1.2. Kiểm tra định kỳ			30		
Bài kiểm tra	CLO1	3/6	8	Tự luận/Trắc nghiệm/TL và TN	Trong quá trình thực hành tại cơ sở
	CLO2	3/6	8		
	CLO3	4/5	7		
	CLO4	4/5	7		
A2. Đánh giá cuối kỳ (thi kết thúc học phần)			50		
Thi kết thúc học phần	CLO1	3/6	12,5	Nộp báo cáo và thuyết trình báo cáo kết quả	Sau khi kết thúc thực hành tại cơ sở thực thành
	CLO2	3/6	12,5		
	CLO3	4/5	12,5		
	CLO4	4/5	12,5		

Bảng 5. Ma trận tương thích giữa các bài đánh giá với CDR học phần

CLO Bài ĐG	1.2. Kiến thức ngành		2.2. Kỹ năng nghề nghiệp		3.1. NL tự chủ	3.2. Tự chịu trách nhiệm
	CLO1 [1.2.1.1] – 3/6	CLO2 [1.2.1.2] – 3/6	CLO3 [2.2.1.1] – 3/5	CLO4 [2.2.1.2] – 3/5	CLO5 [3.1] – 4/5	CLO6 [3.2] – 4/5
A1.1 (20%)					x	x
A1.2 (30%)	x	x	x	x		
A2 (50%)	x	x	x	x		

6. Nội dung và kế hoạch giảng dạy

Bảng 6. Nội dung và kế hoạch giảng dạy học phần

TT	Tên Chương, mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CLOs	PP giảng dạy	Hoạt động học của NH	Bài đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Chương 1: Thực hành bào chế: Pha chế một số dạng bào chế đơn giản	30	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn, làm mẫu, kèm cặp	Nghe giảng. Thực nghiệm, viết báo cáo	<i>A1.1</i> <i>A1.2</i> A2
2	Chương 2: Thực hành nhận biết Dược liệu: nhận biết các Dược liệu tươi và khô thông dụng	30	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn, làm mẫu, kèm cặp	Nghe giảng. Thực nghiệm, viết báo cáo	<i>A1.1</i> <i>A1.2</i> A2
3	Chương 3: Thực hành tại nhà thuốc	30	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn, làm mẫu, kèm cặp	Nghe giảng. Thực nghiệm, viết báo cáo	<i>A1.1</i> <i>A1.2</i> A2
	Tổng	90				

7. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**Bảng 9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy học phần**

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung bài học/chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Cơ sở thực hành (Nhà thuốc, bệnh viện, công ty dược,...)	- Máy tính, máy chiếu, phần mềm đào tạo trực tuyến (LMS) phần mềm họp trực tuyến Zoom, Microsoft Team.... - Mạng internet, wifi	01	Chương 1,2,3

8. Các rubrics đánh giá kết quả học tập

- Rubric đánh giá chuyên cần và thái độ học tập

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Không đi học (<30%)	Đi học không chuyên cần (<50%)	Đi học khá chuyên cần (<70%)	Đi học chuyên cần (<90%)	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100%)	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	50%

- Rubric đánh giá kiểm tra/thi bằng hình thức tự luận

Đánh giá kiểm tra: Theo thang điểm 10; theo kết quả điểm tại cơ sở thực tập kiểm tra đánh giá

9. Thi kết thúc học phần (50%)

- Hình thức: Nộp báo cáo thực hành; thuyết trình báo cáo kết quả thực hành.

Trưởng khoa

(Đã ký)

GS.TSKH Phùng Đắc Cam

Giảng viên

(Đã ký)

TS. Vũ Thanh Bình